



PHÁP LUẬT VỀ CHỐNG THẤT THOÁT VÀ LÃNG PHÍ THỰC PHẨM TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Phan Phương Tần¹

Đăng tại Tạp chí Nhà nước và Pháp luật Số 4(447) – 2026, ISSN 0866 - 7446

Tóm tắt: Thất thoát và lãng phí thực phẩm là một vấn đề vô cùng nhức nhối của nền kinh tế tiêu dùng ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu nhằm chứng minh mối liên hệ giữa chính sách phát triển kinh tế tuần hoàn và hoạt động chống thất thoát và lãng phí thực phẩm, từ đó cho thấy lỗ hổng pháp lý của Việt Nam về chống thất thoát và lãng phí thực phẩm là một cản trở trong mắc xích thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Abstract: Food loss and waste has become a serious and widespread problem in a consumer-driven economy in all countries around the world. This study aims to demonstrate the relationship between circular economy policies and efforts to prevent food waste. It argues that existing legal gaps in Vietnam's framework on food loss and waste prevention may hinder the effective promotion of a circular economy. The study also proposes recommendations to improve Vietnam's law on this matter.

Từ khóa: phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn, thất thoát và lãng phí thực phẩm.

1. Mối liên hệ giữa chống lãng phí thực phẩm và phát triển kinh tế tuần hoàn

Mỗi giai đoạn phát triển của văn minh nhân loại đều gắn liền với những hình thái kinh tế khác nhau. Kể từ tác phẩm “*Sự giàu có của các quốc gia*” của Adam Smith được xuất bản lần đầu vào năm 1776,² một khoảng thời gian rất dài nhiều quốc gia lớn có cùng niềm tin và quan điểm cho rằng phát triển nền kinh tế công nghiệp là con đường vững chắc và hợp lý để xây dựng quốc gia vừa mạnh. Nhưng từ cuối thế kỷ XX, khi nhân loại bước vào một giai đoạn mới, đối diện với những vấn đề cấp thiết như cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, thảm họa môi trường, biến đổi khí hậu,

¹ TS., Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh. Email: tannpp@u.f.edu.vn

² Smith, Adam (1789), *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*. 5th ed. 3 vols. London: T. Cadell.

hệ lụy của kinh tế công nghiệp phát triển quá nhanh, hay cuộc cách mạng 4.0³, kinh tế học hiện đại đã xuất hiện khái niệm về một mô hình kinh tế mới, gọi là mô hình kinh tế tuần hoàn (“KTTH”).

Kinh tế Tuần hoàn (Circular Economy) lần đầu được đề cập một cách chính thức trong nghiên cứu của David W. Pearce và R. Kerry Turner năm 1990.⁴ Trong tác phẩm của mình, hai tác giả đã nhấn mạnh tác động qua lại cũng như mối quan hệ nhân quả giữa phát triển kinh tế và môi trường. Từ đó, giới thiệu mô hình KTTH, đối lập với nền kinh tế công nghiệp truyền thống mang tính tuyến tính (linear system).

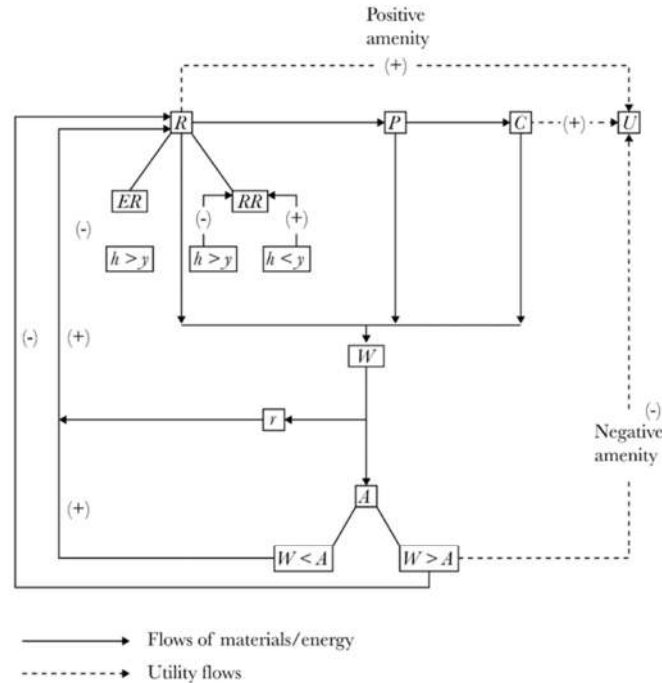
Nếu như mô hình kinh tế tuyến tính, ở đó các yếu tố môi trường như tài nguyên (R-Resources), lãng phí (W - Waste) bị bỏ qua, phát triển dựa trên dòng chảy một chiều của vật chất và năng lượng, đi từ Sản xuất (Production), đến Sản phẩm (Goods), và đích cuối cùng là Lợi ích (Utility).⁵ Trái lại, Pearce và Turner đưa trở lại hàm Lợi ích vào dòng tiêu dùng (C) trong mô hình KTTH, nhấn mạnh 03 chức năng kinh tế của môi trường, bao gồm là nguồn cung tài nguyên, là nơi hấp thụ chất thải, và là nguồn mang lại lợi ích trực tiếp. Họ gọi là mô hình này là mô hình cân bằng vật chất (materials balance model) vì tất cả đều có giá trị kinh tế dương.⁶

³ Tan, Jovan, Fabian Jianwei Tan, and Sriram Ramakrishna (2022), Transitioning to a Circular Economy: A Systematic Review of Its Drivers and Barriers, Sustainability 14, no. 3: 1757. <https://doi.org/10.3390/su14031757>

⁴ Pearce D.W. and R.K. Turner (1990), *Economics of Natural Resources and the Environment*, Harvard University Press, tr.39.

⁵ Pearce D.W. and R.K. Turner (1990), *Economics of Natural Resources and the Environment*, tldd., tr. 35.

⁶ Pearce D.W. and R.K. Turner (1990), *Economics of Natural Resources and the Environment*, tldd., tr. 41.



Note: Key: R=resources, ER =exhaustible resources, RR= renewable resources, P=production, C=consumption, U=utility, W=wastes, A=assimilative capacity, r=recycling, h=harvest, y=yield (=0 for ER)
Source: Pearce and Turner, 1990, Figure 2.4: 40

Hình 1. Mô hình Kinh tế Tuần hoàn đầy đủ của Pearce và Turner (1990)

Có thể hiểu đơn giản, mô hình KTTH là “một hệ thống sản xuất được thiết kế ngay từ đầu để có thể phục hồi và tái tạo”, mọi thứ đều là đầu vào của một thứ khác trong nền kinh tế.⁷ KTTH ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại, hướng đến tăng giá trị cho doanh nghiệp, giảm khai thác tài nguyên, giảm chi phí xử lý chất thải, và giảm ô nhiễm môi trường.

Đồng thời, theo mô hình trên (Hình 1), yếu tố quan trọng giúp chức năng môi trường đạt giá trị dương chính là yếu tố Lãng phí (W-Wastes). Nếu $W > A$ (Assimilative Capacity - Khả năng đồng hoá của môi trường)⁸, thì môi trường sẽ bị tổn hại và giảm chức năng kinh tế. Như vậy, chống lãng phí trong tất cả các yếu tố (R, P, và C) là vấn đề cốt yếu của KTTH.

Dưới góc độ này, lương thực, thực phẩm là một trong những nguồn nguyên liệu đầu vào (R) có vai trò đặc biệt đối với các nền kinh tế. Thực phẩm không chỉ

⁷ Ellen MacArthur Foundation (2013), Towards the Circular Economy, Vol.1, Cowi, Islington of Wight, tr.7. Đường dẫn: <https://content.ellenmacarthurfoundation.org/m/50c85a620a58955/original/Towards-the-circular-economy-Vol-2.pdf> truy cập ngày 24/2/2026. Ellen MacArthur Foundation (EMF) là một tổ chức quốc tế phi lợi nhuận được sáng lập bởi Ellen MacArthur tại Anh năm 2010. Sau những chuyến đi vòng quanh thế giới một mình và nhận thấy sự giới hạn và cạn kiệt của tài nguyên trái đất, bà đã thành lập nên EMF để vận động và thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình KTTH.

⁸ Khả năng của môi trường tự nhiên trong việc hấp thụ, phân hủy, trung hòa hoặc chuyển hóa các chất thải mà không làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng môi trường hoặc chức năng sinh thái của nó.

quan trọng đối với mỗi con người để tồn tại và duy trì khả năng lao động. Các quốc gia cũng cần đảm bảo an toàn lương thực, thực phẩm để ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế. Lịch sử nhân loại đã chứng kiến rất nhiều cuộc khủng hoảng có mối liên hệ với mất an toàn lương thực và nạn đói. Rhoda Weeks-Brown (2024) đã chứng minh rằng mất an ninh lương thực cản trở tăng trưởng bền vững, giảm năng suất lao động và làm trầm trọng các vấn đề kinh tế như lạm phát và cân đối thanh toán. Ở các nước có mức thu nhập trung bình thấp, giá lương thực cao làm tăng lạm phát, khiến nhiều người trong mắc kẹt trong nghèo đói và gây áp lực lên dự trữ ngoại hối. Vấn đề này đang trở nên nghiêm trọng hơn sau các cú sốc lương thực (đại dịch COVID-19 và cuộc chiến ở Ukraine), làm yếu đi năng lực tài chính của nhiều nước và tăng giá lương thực.⁹ Số liệu của Liên Hợp Quốc củng cố cho các nhận định này. Theo Báo cáo của Chương trình Lương thực Thế giới (WFP), 70% số người bị thiếu lương thực trầm trọng sống ở các quốc gia dễ bị tổn thương hoặc bị ảnh hưởng bởi xung đột vào năm 2025. Quy mô khủng hoảng đói và suy dinh dưỡng toàn cầu hiện nay là vô cùng lớn, 318 triệu người phải đang đối mặt với tình trạng đói nghiêm trọng.¹⁰

Trong khi đó, vấn đề thất thoát và lãng phí thực phẩm (Food Loss and Waste) (“FLW”) đang ngày càng nhức nhối. Báo cáo Chỉ số Chất thải thực phẩm (2021) cho thấy trung bình mỗi thành viên trong một hộ gia đình thải ra 74 kg thực phẩm mỗi năm, và hàng năm thế giới đang lãng phí gần một tỷ tấn thực phẩm.¹¹ Ước tính 1/3 lượng thực phẩm được sản xuất toàn cầu bị thất thoát hoặc lãng phí trong suốt chuỗi cung ứng. Thực phẩm bị thải bỏ không chỉ phá hỏng nỗ lực giúp hàng tỷ người đang bị đói hoặc không đủ khả năng có một chế độ ăn lành mạnh, mà còn gây hại cho môi trường, FLW gây ra khoảng 10% lượng khí phát thải.¹²

Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững được các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc (2015) thống nhất nội dung hướng đến phát triển bền vững bao gồm “*chấm dứt nghèo đói và nạn đói ở khắp mọi nơi; ... quyết tâm tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện và lâu dài, thịnh vượng chung và việc làm tử tế cho tất cả mọi người, có tính đến các mức độ phát triển và năng lực khác nhau*

⁹ Rhoda Weeks-Brown (2024), “Food (In)Security: A Macroeconomic Perspective,” Journal of International Affairs, July 8. Đường dẫn: <https://jia.sipa.columbia.edu/news/food-inscurety-macro-economic-perspective>

¹⁰ World Food Programme (n.d.). Hunger stats: 318 million people in acute hunger. World Food Programme Link: <https://www.wfp.org/ending-hunger> truy cập ngày 22/2/2026.

¹¹ Báo Điện tử Chính Phủ (2021), Thế giới lãng phí gần 1 tỷ tấn thực phẩm mỗi năm. Đường dẫn: <https://baochinhphu.vn/thegioi-langphi-gan-1-ty-tan-thuc-pham-moi-nam-102288763.htm> truy cập ngày 5/2/2026.

¹² Food Banking Atlas (2024), Food Donation Policy Atlas – Việt Nam (Translated) (Atlanta: Food Banking Atlas, October 2024), Đường dẫn: <https://atlas.foodbanking.org/wp-content/uploads/2024/10/Food-Donation-Policy-Atlas-Viet-Nam-Translated.pdf> truy cập ngày 5/2/2026.

của các quốc gia.”¹³ Dựa trên các nghiên cứu cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa phát triển bền vững với mô hình KTTH¹⁴, 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc đưa ra phản ánh nội dung của mô hình KTTH khá rõ rệt. Đặc biệt ở các mục tiêu SDG 2, SDG 6, SDG 7, SDG 8, SDG 12, SDG 13 và SDG 14.¹⁵

Hai trong số các mục tiêu trên liên quan mật thiết đến việc chống FLW là SDG 2 (chấm dứt nạn đói, đảm bảo an ninh lương thực và cải thiện dinh dưỡng, đồng thời thúc đẩy nông nghiệp bền vững) và SDG 12 (bảo đảm các mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững). Nghĩa là, chống FLW có cùng mục tiêu hướng đến phát triển bền vững với KTTH, đồng thời cũng là một nội dung của mô hình KTTH. Do đó, có thể khẳng định, phát triển bền vững và chuyển đổi KTTH không thể tách rời với hoạt động chống FLW.

2. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và chống thất thoát và lãng phí thực phẩm tại Việt Nam

2.1 Thực tiễn triển khai mô hình KTTH và chống thất thoát và lãng phí thực phẩm tại Việt Nam

Ý tưởng về KTTH không chỉ mới xuất hiện tại Việt Nam gần đây. Một mô hình sản xuất có đặc điểm tương đồng với KTTH đã từng áp dụng ở Việt Nam từ cách đây 20 năm với phạm vi hẹp hơn, ở lĩnh vực nông nghiệp, và với các tên gọi khác. Đó chính là mô hình VAC (Vườn - Ao - Chuồng), hay VRAC (Vườn - Rừng - Ao - Chuồng) trong giai đoạn từ năm 1970-1980, đã được chứng minh là giúp nâng cao hiệu quả sản xuất cao.¹⁶ Theo cam kết với Liên Hợp Quốc, Việt Nam đã và đang ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, cũng như các kế hoạch cụ thể để thực hiện mục tiêu chung là đảm bảo phát triển bền vững.

Từ 17/11/2020, Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội ban hành đã đưa ra một khái niệm pháp lý chính thức của KTTH. Theo đó, KTTH được định nghĩa là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.¹⁷ Gần đây nhất, Nhà nước ta đã triển khai mạnh mẽ Kế hoạch Hành động quốc gia thực hiện KTTH đến năm 2035 theo Quyết định số 222/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 23/1/2025. Theo đó, mục tiêu chung được nhấn mạnh là “*hình thành hệ thống sản*

¹³ United Nations (2015), Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development. Resolution adopted by the General Assembly on 25 September 2015, A/RES/70/1. New York: United Nations. <https://sdgs.un.org/2030agenda> truy cập ngày 5/2/2026.

¹⁴ Paul Ekins, Tessa Domenech, Paul Drummond, Raimund Bleischwitz, Nick Hughes, và Lorenzo Lotti (2019), The Circular Economy: What, Why, How and What? background paper for the OECD/EC workshop “Managing the Transition to a Circular Economy in Regions and Cities” (Paris: OECD Headquarters, July 5, 2019), accessed via AllConfs.org, https://www.allconfs.org/img/20200406/200406_1854188.pdf

¹⁵ United Nations (2015), Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development, tldd.

¹⁶ Nguyễn Thành Long và cộng sự (2021), Kinh tế tuần hoàn: Hướng phát triển bền vững cho doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Công thương, số 18 – tháng 7/2021, tr.82-87.

¹⁷ Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Điều 142 (1).

xuất, tiêu dùng bền vững, sử dụng hiệu quả giá trị tài nguyên thiên nhiên, tận dụng tối đa nguyên liệu, vật liệu đã qua sử dụng, hạn chế chất thải phát sinh và giảm tác động xấu đến môi trường, ...”. Đồng thời, Kế hoạch cũng cụ thể hóa các mục tiêu đến 2030 để thực hiện. Tuy nhiên, trong 10 ngành, lĩnh vực ưu tiên thực hiện KTTH đến 2035 được liệt kê tại mục V của Kế hoạch vẫn chưa đề cập đến lĩnh vực kinh doanh thực phẩm, mặc dù có đề cập đến hai lĩnh vực có liên quan gần là dịch vụ (bao hàm dịch vụ ăn uống) và quản lý chất thải. Tuy nhiên, Kế hoạch chỉ đặt mục tiêu đối với hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn mà chưa đề cập đến chất thải hữu cơ từ thực phẩm.

Về vấn đề bảo đảm an ninh lương thực, chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia riêng biệt theo Quyết định số 300/QĐ-TTg ngày 28/3/2023. Nhưng đưa ra bất kỳ mục tiêu nào cụ thể đối với hoạt động chống FLW, chỉ được đề cập sơ lược tại nhiệm vụ số 4 về “*Xây dựng và thực hiện hệ thống chỉ tiêu giám sát và đo lường thất thoát và lãng phí lương thực thực phẩm cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh.*” Nhiệm vụ này đang giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) trong giai đoạn từ 2023-2025. Tuy nhiên đến nay, vẫn chưa thấy Bộ công bố kết quả thực hiện hệ thống này. Tác giả cho rằng, việc chưa tích hợp nội dung quản lý thực phẩm vào các lĩnh vực ưu tiên trong mô hình KTTH là một thiếu sót lớn, làm giảm tầm quan trọng của chống FLW trong nội dung của mô hình KTTH. Đồng thời, mức độ quan tâm của Chính phủ đối với nội dung này còn mơ hồ và chương tương xứng mức độ cấp thiết của nó.

Tại Việt Nam, mặc dù chưa có nguy cơ về mất an toàn, an ninh lương thực và tỷ lệ đói nghèo, suy dinh dưỡng trong dân số được cải thiện đáng kể từng năm. Tuy nhiên, vẫn nạn thiếu thực phẩm vẫn cấp bách ở các nhóm dân tộc thiểu số và nông thôn.¹⁸ Theo Chỉ số đói nghèo toàn cầu năm 2025, Việt Nam có mức độ đói nghèo ở mức trung bình, xếp hạng 60/123 quốc gia, với số điểm là 11,1.¹⁹ Trong khi đó, tổng mức chi tiêu cho thực phẩm của người Việt Nam rất cao và đang tăng lên. Báo cáo của Q&M (2025)²⁰ cho thấy người tiêu dùng Việt Nam chi trung bình khoảng 6 triệu đồng/tháng cho thực phẩm, chiếm 30% tổng thu nhập trung bình. Số liệu của Tổng cục Thống kê trong 9 tháng đầu năm 2025 cho thấy doanh thu bán lẻ hàng hóa - gắn trực tiếp với tiêu dùng thực phẩm - đạt gần 3.950 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 8% so với cùng kỳ.²¹ Mức độ tăng trưởng của hàng thực phẩm và dịch vụ ăn uống vẫn

¹⁸ Food Banking Atlas (2024), Food Donation Policy Atlas – Việt Nam, tldd, tr.2.

¹⁹ Global Hunger Index (2025), Việt Nam, <https://www.globalhungerindex.org/vietnam.html> truy cập ngày 24/2/2026.

²⁰ Công ty nghiên cứu thị trường Q&M (2025), <https://kinhdoanh.vn/thuc-pham-chi-m-13-thu-nhap-cua-nguoi-vi-t-404533.html> truy cập ngày 24/2/2026.

²¹ Xuân Bắc (2025), Tiêu dùng nội địa nâng đỡ ngành thực phẩm giữa bối cảnh kinh tế nhiều biến động, VNBusinss. Đường dẫn: <https://vnbusinss.vn/tieu-dung-noi-dia-nang-do-nganh-thuc-pham-giua-boi-can-kinh-te-nhiu-bien-dong.html> truy cập ngày 5/2/2026.

tiếp tục dẫn đầu với 0,75% trong Quý IV/2025.²² Các số liệu cho thấy, sản xuất và tiêu thụ thực phẩm chiếm tỷ lệ khá lớn trong nền kinh tế. Nhưng hệ lụy là lượng rác thải khổng lồ được thải ra môi trường. Việt Nam được ghi nhận có tới khoảng 8,8 triệu tấn thực phẩm bị lãng phí hàng năm, đứng thứ hai khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về FLW. Lượng lãng phí này gây ra thiệt hại khoảng 3,9 tỷ đô la Mỹ/năm, chiếm 2% GDP. Phần lớn lượng lãng phí này (32%) xảy ra trong ngành rau quả, ngành thịt (14% và cá (12%).²³

Đặc thù của sản phẩm thực phẩm là có thời hạn sử dụng ngắn hơn so với các sản phẩm tiêu dùng khác, khả năng tái chế cũng giới hạn. Do đó, quản lý tốt hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy kéo dài thời gian sử dụng sản phẩm, tái sử dụng cho các mục đích phù hợp và an toàn này sẽ thúc đẩy mạnh mẽ KTTH tại Việt Nam. Đây là công tác mà đến nay Chính phủ Việt Nam vẫn chưa quyết liệt trong hành động.

2.3 Thực trạng pháp luật Việt Nam về chống thất thoát và lãng phí thực phẩm

Quản lý thực phẩm có khá nhiều nội dung, nhưng chủ yếu xoay quanh ba vấn đề chính là đảm bảo an ninh lương thực, chống FLW và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Hiện nay Việt Nam đã có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật tương đối hoàn chỉnh về đảm bảo an toàn thực phẩm, bao gồm Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 có hiệu lực từ 1/7/2011 (trước đó là Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vấn đề đảm bảo an ninh lương thực thì có các quy định ở nhiều văn bản luật khác nhau nhằm chống lại hành vi đầu cơ nói chung, bao gồm trong đó mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu nhằm gây khan hiếm, ảnh hưởng đến nguồn cung thực phẩm. Điều 7 Khoản 2 (c) của Luật Giá số 16/2023/QH15 do Quốc Hội ban hành ngày 19/6/2023 quy định nghiêm cấm cá nhân, tổ chức lợi dụng tình trạng khẩn cấp, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh để tăng giá bán hàng hóa, dịch vụ không phù hợp với biến động của giá thành toàn bộ so với điều kiện bình thường nhằm trục lợi. Các hành vi vi phạm có thể bị xử lý hành chính, phạt tiền lên đến 80 triệu đồng theo Điều 15 Nghị định 87/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá ngày 12/7/2024; hoặc xử lý hình sự với mức hình phạt cao nhất lên đến 15 năm tù theo Điều 196 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Riêng đối với vấn đề chống FLW, Việt Nam hiện chưa có bất kỳ văn bản pháp lý cụ thể nào quy định về vấn đề này. Quốc hội có ban hành Luật số 110/2025/QH15 về tiết kiệm và chống lãng phí ngày 10/12/2025 (sẽ có hiệu lực từ 1/7/2026 và thay thế cho Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 2013). Tuy nhiên, trọng tâm của luật này là chống lãng phí trong phạm vi quản lý, sử dụng tài chính công, khai thác

²² Cục Thống kê (2025), Tổng quan thị trường giá cả tháng mười hai, Quý IV năm 2025, Bộ Tài chính, ngày 31/12/2025.

²³ Food Banking Atlas (2024), Food Donation Policy Atlas – Việt Nam, tldđ., tr.2.

và sử dụng tài nguyên, năng lượng. Mặc dù luật có nêu phạm vi thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí bao gồm hoạt động sản xuất, kinh doanh và **tiêu dùng** của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (Điều 1 Luật Tiết kiệm và chống lãng phí 2025), nhưng xuyên suốt các quy định chi tiết, không có bất kỳ quy định nào bàn về chống FLW hoặc các vấn đề liên quan.

Trước lỗ hổng pháp lý hiện có, nhiều nhà nghiên cứu, cơ quan, tổ chức cũng quan tâm đến chủ đề này. Điển hình là các nghiên cứu của Lê Thị Thảo My và cộng sự (2023)²⁴, Nguyễn Thùy Trang (2025)²⁵, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2025)²⁶, Foodbank Việt Nam (2024)²⁷, v.v đã bắt đầu bàn luận các tác động của của FLW. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên vẫn chỉ mới dừng lại ở mức độ chứng minh các tác động của FLW đến nền kinh tế, chưa có cái nhìn toàn diện của FLW trong quan hệ với mô hình KTTH, đồng thời cũng chưa phân tích sâu các giải pháp pháp lý. Tác giả cho rằng Việt Nam cần nhanh chóng đưa ra các giải pháp pháp lý để giải quyết vấn đề FLW. Đây cũng là một hướng đi phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong phát triển bền vững và tiệm cận với pháp luật các nước.

3. Kinh nghiệm pháp luật của các quốc gia trên thế giới về chống lãng phí thực phẩm và phát triển kinh tế tuần hoàn

Liên Hợp Quốc đã đưa ra mục tiêu cắt giảm tỷ lệ FLW đến năm 2030 là 50%²⁸. Để thực hiện mục tiêu này, nhiều khu vực, quốc gia, và thành phố²⁹ trên khắp thế giới đã ban hành và áp dụng các chính sách và quy định liên quan chống FLW, tái sử dụng thực phẩm dư thừa hoặc xử lý rác thải thực phẩm nhằm bảo vệ môi trường, tiết kiệm cho nền kinh tế và đảm bảo sức khỏe cho người dân. Tác giả lựa chọn một số các quốc gia đã ban hành và có một thời gian áp dụng nhất định luật về chống FLW để đánh giá hiệu quả của các đạo luật đến hoạt động chống FLW và thúc đẩy KTTH tại các quốc gia này.

3.1 Kinh nghiệm của Pháp

²⁴ Lê Thị Thảo My, Nguyễn Việt Thành, Lê Hằng Mỹ Hạnh và Lê Thị Xuân Sang (2023), Lãng phí thực phẩm ở các doanh nghiệp chuỗi cung ứng việt nam: đánh giá hiệu quả mô hình quản trị tinh gọn, FTU - Working Paper 2023.2.2.16 - Vol 2, No 2.

²⁵ Nguyễn Thùy Trang (2025), Nghiên cứu sự khác biệt về hành vi lãng phí thực phẩm giữa các thế hệ ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Công Thương Online, 08/05/2025, <https://tapchicongthuong.vn/nghiên-cuu-su-khac-biet-vi-hanh-vi-langphi-thuc-pham-giua-cac-thehi-hien-nay-vi-t-nam-hien-nay-245709.htm>

²⁶ Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2026), Phân nhóm người tiêu dùng trí thức theo đặc điểm cá nhân liên quan lãng phí thực phẩm, Tạp Chí Khoa Học Đại Học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh - Khoa Học Xã Hội, 21(2). <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.%v.%i.4651.%>

²⁷ Food Banking Atlas (2024), ttd.

²⁸ United Nations (2025), The SDG Report 2025. Link: <https://sdgs.un.org/topics/sustainable-consumption-and-production> truy cập ngày 22/2/2026.

²⁹ Điển hình như Hoa Kỳ, dù không có quy định ở cấp liên bang về tiết kiệm hay tái chế thực phẩm, nhưng các tiểu bang và thành phố đã có các quy định riêng. Ví dụ Quy định bắt buộc về tái chế và xử lý chất thải hữu cơ (Mandatory Recycling & Composting Ordinance) của Thành phố San Francisco (2009) hay Luật về Quyên góp Thực phẩm và Tái chế Phế phẩm Thực phẩm (Food Donation and Food Scraps Recycling Law) của tiểu bang New York (2022).

Liên minh Châu Âu (“EU”) theo đuổi mục tiêu giảm 30% FLW bình quân đầu người ở bán lẻ và tiêu dùng và giảm lãng phí 10% ở sản xuất chuỗi cung ứng trước năm 2030 để phù hợp với SDG 12.3.³⁰ Các nước EU đồng loạt đưa ra các chính sách và hướng dẫn để thực hiện. Một trong những quốc gia đưa ra văn bản luật chính thức về chống FLW sớm nhất ở EU là Pháp với Luật Chống lãng phí thực phẩm được Pháp thông qua năm 2016 (Còn gọi là Luật Garot).³¹

Luật Garot thiết lập các nhiệm vụ nền tảng chống FLW theo thứ tự ưu tiên: (i) Phòng ngừa FLW thông qua giảm giá và nâng cao nhận thức; (ii) Quyên tặng thực phẩm dư thừa; (iii) Tái sử dụng thực phẩm dư thừa làm thức ăn chăn nuôi; (iv) Thực phẩm hết hạn được ủ làm phân bón hoặc xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí; và (v) Thải bỏ hợp lý không ảnh hưởng đến môi trường. Đồng thời, Luật cũng quy định nghĩa vụ của các siêu thị có diện tích từ 400 m² phải hợp tác với một tổ chức từ thiện để quyên tặng thực phẩm chưa bán được (Điều L. 541-15-5). Các nhà bán lẻ thực phẩm cũng bị cấm tiêu hủy sản phẩm thực phẩm chưa bán được nhưng vẫn còn có thể sử dụng. Pháp cũng là quốc gia áp dụng chế tài mạnh cho các hành vi vi phạm, thay vì chỉ khuyến khích như các quốc gia khác. Mức phạt hành chính đối với doanh nghiệp thải bỏ thực phẩm còn sử dụng được là 3.750 Euro.

Ngày 21/10/2019, Pháp tiếp tục ban hành Pháp lệnh số 2019-1069 về chống lãng phí thực phẩm.³² Pháp lệnh mở rộng nghĩa vụ quyên tặng thực phẩm chưa bán được đối với dịch vụ ăn uống tập thể (hơn 3.000 suất/ngày) và ngành công nghiệp thực phẩm (có doanh thu năm trên 50 triệu Euro); cấm tiêu hủy thực phẩm chưa bán được nhưng vẫn còn phù hợp cho tiêu dùng đối với dịch vụ ăn uống tập thể và ngành công nghiệp thực phẩm. Đồng thời; buộc các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phải cung cấp hộp mang thức ăn mang về; và buộc các chủ thể trong ngành công nghiệp thực phẩm và lĩnh vực dịch vụ ăn uống tập thể phải công khai cam kết giảm FLW.

Gần nhất, Luật số 2020-105 ngày 10/02/2020 (Luật AGECE)³³ đã tăng mức phạt đối với hành vi tiêu hủy các sản phẩm thực phẩm chưa bán được nhưng vẫn còn phù hợp cho tiêu dùng, có thể lên tới 0,1% doanh thu hằng năm, thay vì mức 3.750 Euro

³⁰ Council of the European Union, Proposal for a Directive of the European Parliament and of the Council Amending Directive 2008/98/EC on Waste Analysis of the Final Compromis Text With a View to an Agreement, ST 7258 2025 INIT, Brussels, 2025, PDF file <https://data.consilium.europa.eu/doc/document/ST-7258-2025-INIT/en/pdf>

³¹ France (2016). *Loi n° 2016-138 du 11 février 2016 relative à la lutte contre le gaspillage alimentaire*. Journal Officiel de la République française <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000032036289/> truy cập ngày 22/2/2026.

³² Ordonnance n° 2019-1069 du 21 octobre 2019 relative à la lutte contre le gaspillage alimentaire, NOR: AGRG1920827R, Journal Officiel n°0246 du 22 octobre 2019. Link: <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000039248716> truy cập ngày 27/2/2026.

³³ Loi n° 2020-105 du 10 février 2020 relative à la lutte contre le gaspillage et à l'économie circulaire, Journal Officiel n°0044 du 20 février 2020. Link: <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000041553759> truy cập ngày 27/2/2026

như trước đây.³⁴ Đồng thời, bổ sung yêu cầu các nhà sản xuất thông tin về “Before” (nên dùng trước) và “Use by” (hạn sử dụng) phải được tích hợp vào hệ thống mã hóa sản phẩm nhằm tối ưu hóa hoạt động logistics. Để hỗ trợ doanh nghiệp, Pháp còn cho phép các doanh nghiệp được hoàn thuế khi quyên góp, bao gồm cả thực phẩm. Mức hoàn thuế lên đến 60% giá trị khoản quyên góp, tối đa 0,5% tổng lợi nhuận hàng năm. Đối với quyên góp thực phẩm, giá trị khoản quyên góp sẽ được tính bằng với chi phí sản xuất của thực phẩm đó.³⁵

Với những nỗ lực liên tục của Chính phủ Pháp trong ban hành các đạo luật nhằm hạn chế FLW từ năm 2016, Pháp đã đạt được những thành tựu nhất định trong hoạt động này. Lãng phí thực phẩm ở Pháp ít hơn mức trung bình của EU. Tại EU, 53% lượng thực phẩm bị lãng phí xảy ra ở cấp độ người tiêu dùng, tỷ lệ này tại Pháp là 33%, bao gồm cả dịch vụ ăn uống tập thể và nhà hàng.³⁶ Theo dữ liệu được báo cáo cho Eurostat vào năm 2022, lượng FLW tại Pháp đã giảm 13% trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020.³⁷ Năm 2020, tổng lượng thực phẩm bị lãng phí là khoảng 8,7 triệu tấn so với 10 triệu tấn vào năm 2016. Tuy nhiên, lượng FLW ở năm 2022 đột ngột tăng lên 9,45 triệu tấn, tương đương 139 kg/người, trên tất cả các lĩnh vực. Lý giải cho việc này, các nhà nghiên cứu cho rằng sự gia tăng trở lại lượng thực phẩm bị lãng phí là do ảnh hưởng từ COVID-19. Chính sách phong tỏa kéo dài làm gián đoạn chuỗi tiêu thụ sản phẩm. Việc tích trữ lâu ngày gây hư hỏng thực phẩm và phải thải bỏ khi đến hạn sử dụng. Thói quen tiêu dùng sau đại dịch cũng thay đổi, người tiêu dùng ưa chuộng dùng thực phẩm tươi sống (nhẹ nhàng hơn) nhưng lại thiếu kỹ năng xử lý rác thải.³⁸ Đồng thời, một nguyên nhân quan trọng làm số liệu tăng đột biến nữa chính là sự thay đổi cách tính toán số lượng rác thải thực phẩm theo chỉ thị mới (Directive 2018/851/EU) của Liên Minh Châu Âu từ 2020.³⁹

Mặc dù còn cần nhiều hành động hơn nữa, nhưng có thể thấy sự quyết liệt của Chính phủ Pháp, kết hợp với các quy định pháp luật cụ thể đã mang lại những kết quả nhất định cho hoạt động chống FLW tại quốc gia này.

³⁴ CMS Legal Services. (2023). Measures relating to wastage in the Anti-Wastage & Circular Economy Law. CMS Legal. Link: <https://cms.law/fr/fr/news-information/measures-relating-to-wastage-in-the-anti-wastage-circular-economy-law> truy cập ngày 22/2/2026.

³⁵ République Française, Code général des impôts (CGI), Lois et codes consolidés. Link: <https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000000791289> truy cập ngày 27/2/2026.

³⁶ Zero Waste Europe, France Food Waste Factsheet, November 2020, PDF file Link: https://zerowasteurope.eu/wp-content/uploads/2020/11/zw_11_2020_factsheet_france_en.pdf?utm_source=twitter&utm_medium=social truy cập ngày 27/2/2026.

³⁷ European Environment Agency, France Waste Prevention Country Profile 2025, European Environment Agency, 2025, PDF file Link: https://www.ea.europa.eu/en/topics/in-depth/waste-and-recycling/country-profiles-on-waste-prevention-2025/fr-waste-prevention-factsheet-final.pdf?utm_source=twitter&utm_medium=social truy cập ngày 27/2/2026.

³⁸ Giulia Borghesi and Piergiuseppe Moroni (2023), A Review of the Effects of COVID-19 on food waste, Food Security 15, no. 1 (2023): 261–280, <https://doi.org/10.1007/s12571-022-01311-x>

³⁹ European Parliament and Council of the European Union, Directive (EU) 2018/851 of the European Parliament and of the Council of 30 May 2018 amending Directive 2008/98/EC on waste, EUR-Lex, 2018. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32018L0851> truy cập ngày 27/2/2026.

3.2 Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nhật Bản là một quốc đảo lớn ở Đông Á với nguồn cung lương thực hạn chế. Phần lớn lương thực, thực phẩm của Nhật Bản phải nhập khẩu từ nước ngoài⁴⁰. Do đó việc chống FLW luôn được xem xét một cách nghiêm túc tại đây. Nhật Bản đưa ra chính sách chống FLW và thúc đẩy KTTH khá sớm. Từ tháng 5/2019, quốc gia này đã ban hành Luật về Thúc đẩy Giảm Tồn thất Thực phẩm⁴¹ làm nền tảng quan trọng đảm bảo thực phẩm phải được xử lý hợp lý để giảm thiểu lãng phí. Sau đó một năm, Nhật Bản tiếp tục ban hành Luật Thúc đẩy Tái chế và Các Hoạt động Liên quan trong Xử lý Tài nguyên Thực phẩm Theo Mô hình Tuần hoàn⁴². Sự khác biệt giữa hai đạo luật ở chỗ đạo luật trước điều chỉnh việc giảm thiểu lượng thực phẩm lãng phí có thể tránh được tại các hộ gia đình và ở các khâu cuối của chuỗi cung ứng thực phẩm, trong khi đạo luật sau tập trung vào việc tái chế lượng chất thải thực phẩm không thể tránh khỏi phát sinh từ các ngành chế biến thực phẩm cũng như từ lĩnh vực bán lẻ và dịch vụ ăn uống quy mô lớn. Chính sách chung của Nhật Bản là cắt giảm một nửa tổng lượng thực phẩm lãng phí vào năm 2030.⁴³

Khác với Pháp, nơi đòi hỏi mức độ tuân thủ cao với các quy định bắt buộc và chế tài, luật của Nhật Bản nhấn mạnh yếu tố “khuyến khích” và “nâng cao nhận thức” thay vì quy định bắt buộc. Luật về Thúc đẩy Giảm Tồn thất Thực phẩm năm 2019 đưa ra chính sách cơ bản để chính phủ thực hiện các chiến dịch chống FLW. Đối với doanh nghiệp và người dân, luật đề xuất các chương trình đào tạo, tập huấn hướng dẫn và khuyến nghị để giảm lãng phí như phân biệt thời hạn dùng tốt nhất với thời hạn không còn sử dụng được, cách thức quyên góp thực phẩm và xử lý, tái chế thực phẩm không sử dụng được, v.v.⁴⁴ Nhật Bản không quy định về xử phạt. Cách tiếp cận này khá đặc biệt mà tác giả cho rằng xuất phát từ các nguyên nhân sau: (i) Các đạo luật đều khẳng định việc chống FLW trước tiên phải thuộc về nhiệm vụ của Chính phủ Nhật Bản; (ii) FLW ở Nhật phần lớn xuất phát từ các hộ gia đình và hành vi tiêu dùng của cá nhân,⁴⁵ do đó rất khó đo lường để xác định mức độ vi

⁴⁰ Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries (Japan). *Japan's food and agricultural imports top ¥10 trillion for third straight year*, summarized via industry sources. Link: <https://www.gm-group2.net/industry-trends/japans-food-imports-top-trillion.html> truy cập ngày 27/2/2026.

⁴¹ Japan (2019). 食品ロスの削減の推進に関する法律 (Act No.19 of 2019). eGov Legal Databases https://www.caa.go.jp/policies/policy/consumer_policy/information/food_loss/promotion/?utm truy cập ngày 22/2/2026.

⁴² Japan (2000). 食品循環資源の再生利用等の促進に関する法律 (Act No. 116 of 2000). eGov Legal Databases <https://laws.e-gov.go.jp/> truy cập ngày 22/2/2026.

⁴³ Okayama, T., & Watanabe, K. (2024), Performance of the Food Waste Recycling Law in Japan with Reference to SDG 12.3, *Recycling*, 9(1), 18. <https://doi.org/10.3390/recycling9010018> truy cập ngày 22/2/2026.

⁴⁴ Consumer Affairs Agency (Japan), Promotion of Food Loss Reduction Policy. Link: https://www.caa.go.jp/policies/policy/consumer_policy/information/food_loss/promotion/?utm truy cập ngày 28/2/2026.

⁴⁵ Ministry of the Environment, Government of Japan (2025). MOE Japan Discloses the Estimated Amount of Japan's Food Loss and Waste Generated in FY2023. Press release, June 27, 2025. https://www.env.go.jp/en/press/press_00002.html truy cập ngày 28/2/2026.

phạm. Nếu quy định không rõ ràng có thể dẫn đến bức xúc trong cộng đồng và lãng phí nguồn nhân lực; và (iii) đặc thù mô hình “*hướng dẫn hành chính*” (administrative guidance), một dạng luật mềm (soft law) phổ biến trong hệ thống pháp luật hành chính của Nhật Bản.⁴⁶ Mô hình này phù hợp đối với những xã hội có văn hóa tuân thủ pháp luật và hợp tác với cơ quan nhà nước cao như Nhật Bản.⁴⁷

Các chỉ số cho thấy chính sách này đang phát huy hiệu quả qua từng năm. Tuy nhiên, chính các nhà nghiên cứu tại Nhật Bản vẫn đang hoài nghi tính khả thi của mục tiêu đề ra (trong năm 2021, vẫn chiếm 28,9% tổng lượng phát sinh)⁴⁸ vì các vấn đề về kỹ thuật trong tính toán lượng thực phẩm lãng phí còn nhiều tranh cãi.

3.3 Kinh nghiệm của Trung Quốc

Là quốc gia đông dân thứ hai thế giới, trải qua thời kỳ “phát triển nóng” kéo dài và phát triển thương mại điện tử vô cùng mạnh mẽ trong thời gian gần đây,⁴⁹ Trung Quốc cũng đang quan tâm đến phát triển bền vững và chống lãng phí tài nguyên thiên nhiên. Luật Chống lãng phí thực phẩm của Trung Quốc được ban hành từ năm 2021,⁵⁰ gồm 32 điều được quy định với mục tiêu “*ngăn chặn lãng phí lương thực, bảo vệ an ninh lương thực quốc gia, bảo tồn tài nguyên, bảo vệ môi trường và thúc đẩy kinh tế - xã hội bền vững*” (Điều 1).

Nội dung chính của luật bao gồm: (i) Xác định chống FLW là trách nhiệm chung của Nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân, đồng thời nhấn mạnh vai trò định hướng của Chính phủ thông qua tuyên truyền, giáo dục và xây dựng cơ chế giám sát; (ii) Yêu cầu các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống phải nhắc nhở khách hàng gọi món vừa đủ, có thể tính phí đối với phần thức ăn thừa quá mức hợp lý, cung cấp khẩu phần nhỏ và cải thiện quản lý thức ăn dư trữ; (iii) Những người có sức ảnh hưởng không được sản xuất, quảng bá các nội dung kích thích ăn uống (mukbang) lãng phí quá mức; (iv) Siêu thị, chợ và doanh nghiệp thực phẩm có nghĩa vụ tăng cường quản lý tồn kho, cải thiện khâu bảo quản và vận chuyển để giảm hao hụt; (v) Các cơ quan nhà nước phải đi đầu trong thực hành tiết kiệm; (vi) Hệ thống giáo dục được yêu cầu lồng ghép nội dung chống FLW vào chương trình giảng dạy nhằm

⁴⁶ Cabinet Secretariat, Government of Japan, *Administrative Procedure Act (行政手続法)*, Japan’s English bilingual PDF. Link: https://www.cas.go.jp/jp/sisaku/hourai/data/APA_2.pdf truy cập ngày 28/2/2026.

⁴⁷ Các thống kê cho thấy mức độ vi phạm pháp luật của công dân và doanh nghiệp ở Nhật thấp hơn nhiều so với các quốc gia khác. Nhật Bản xếp hạng thứ 15/143 quốc gia về chỉ số tuân thủ pháp luật (WJP Rule of Law Index 2025). Xem thêm tại: https://govwatch.gr/wp-content/uploads/2025/10/WJPIndex2025.pdf?utm_; Điểm đo lường mức độ tin tưởng và tuân thủ vào các quy tắc xã hội, quyền sở hữu, việc thực thi hợp đồng, cảnh sát, tòa án... của Nhật là ~1.51–1.54 (thang -2.5 đến +2.5), rất cao so với mức trung bình thế giới (~ -0.07) (World Bank Rule of Law Index 2024). Xem thêm tại: https://www.theglobaleconomy.com/Japan/wb_ruleoflaw/?utm_

⁴⁸ Okayama, T., & Watanabe, K. (2024), Performance of the Food Waste Recycling Law in Japan with Reference to SDG 12.3, *ttđđ*.

⁴⁹ Trần Văn Thọ (2025), Kinh tế Trung Quốc giai đoạn mới và hàm ý cho Việt Nam, *Kinh tế Sài Gòn Online* Link: <https://thsaigontimes.vn/kinh-te-trung-quoc-giai-doan-moi-va-ham-y-cho-viet-nam/> truy cập ngày 27/2/2026.

⁵⁰ China (2021). Law of the People’s Republic of China on Food Waste (中华人民共和国反食品浪费法), adopted 29 April 2021, effective 29 April 2021.

hình thành ý thức tiết kiệm từ sớm; và (vii) Truyền thông đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền lối sống tiết kiệm, lành mạnh. Nếu vi phạm các quy định này có thể sẽ bị áp dụng biện pháp xử phạt hành chính (chủ yếu đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) lên đến 100.000 Nhân dân tệ.⁵¹

Như vậy, Trung Quốc kết hợp cả hai phương pháp điều chỉnh là cưỡng chế lẫn khuyến khích nhằm đẩy mạnh chống FLW. Theo báo cáo đến giữa năm 2024 của Cơ quan Quản lý Thị trường Quốc gia Trung Quốc, các tiêu chuẩn quốc gia về chống FLW đã được triển khai rộng rãi với tỷ lệ thực hiện hiệu quả lên đến 94,4%.⁵² Tuy nhiên, chưa có các thông số cụ thể cho thấy mức độ tăng giảm của thực phẩm bị lãng phí sau khi luật được ban hành. Một nghiên cứu được thực hiện tại Trung Quốc (2024) cho thấy chỉ số FLW tại Trung Quốc (22,7%) đang thấp hơn Hoa Kỳ (40%) và Nhật Bản (43%) khá nhiều.⁵³ Tác giả cho rằng con số so sánh này chưa phản ánh chính xác về tính hiệu quả của luật về chống FLW của Trung Quốc do cách thức xác định và định nghĩa về FLW ở mỗi quốc gia là khác nhau. Nhưng nhìn chung có thể thấy được những bước chuyển đổi tích cực từ động thái của Trung Quốc với đạo luật được ban hành sớm.

Trong khu vực Đông Nam Á, hiện chưa có quốc gia nào ban hành luật về chống FLW, nhưng Malaysia⁵⁴ và Philipin⁵⁵ đã có các dự luật liên quan được đệ trình. Trước tình hình tương tự, tác giả cho rằng Việt Nam cũng cần có những kế hoạch cụ thể liên quan đến ban hành luật riêng điều chỉnh cho các hoạt động chống FLW và thúc đẩy KTTH.

3. Một số đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về chống lãng phí thực phẩm

Việt Nam cần sớm xây dựng dự thảo và ban hành luật về chống FLW để đẩy mạnh mục tiêu thúc đẩy KTTH và phát triển bền vững, bởi tính chất cấp thiết đã được chứng minh ở trên. Dựa trên kinh nghiệm lập pháp của các nước, tác giả đề xuất một số nội dung cần lưu ý khi xây dựng dự luật chống FLW như sau:

Thứ nhất, cần tập trung xây dựng khái niệm “lãng phí thực phẩm” và “thất thoát thực phẩm”. Có thể tham khảo khái niệm của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp

⁵¹ Bản dịch tiếng Anh: <https://www.chinalawtranslate.com/en/foodwastelaw/> truy cập ngày 22/2/2026.

⁵² State Council of the People's Republic of China, “National Standards for Countering Food Waste Show an Implementation Effectiveness Rate of 94.4%,” Jun 22, 2024. Link: http://www.gov.cn/lianbo/bum/n/202406/content_6958804.htm truy cập ngày 27/2/2026.

⁵³ Wang, Shenghang, Dongxu Liu, and Jiping Sheng (2024), Prevention of Food Waste in China: Role and Impact of China's Anti-Food Waste Law, *Foods* 13, no. 23: 3940. <https://doi.org/10.3390/foods13233940>

⁵⁴ New Act to Curb Food Wasteag on the Menu,” *The Star*, October 16, 2025. Link: <https://www.thestar.com.my/news/nation/2025/10/16/interactive-nw-act-to-curb-food-wastag-on-the-menu/> truy cập ngày 27/2/2026.

⁵⁵ State of the Philippines, “Ligarda Pushes for Zero Food Waste Act of 2022,” press release, April 28, 2023. Link: https://lgacy.state.gov.ph/press_release/2023/0428_ligarda2.asp truy cập ngày 27/2/2026.

Liên Hợp Quốc (FAO)⁵⁶ và cần nhắc quy định loại thực phẩm đưa vào đánh giá lãng phí là gì. FAO giải thích các thực phẩm lãng phí có thể là “*bất kỳ sản phẩm nào, dù đã qua chế biến, s□ chế hay thô, được con người tiêu dùng, bao gồm cả đồ uống, kẹo cao su và các chất được sử dụng trong sản xuất, chuẩn bị hoặc xử lý ‘thực phẩm’ nhưng không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá hoặc các chất chỉ được sử dụng như dược phẩm.*”⁵⁷ Trong khi đó, th□ hướng dẫn của EU thì khái niệm lãng phí thực phẩm lại đề cập đến “*các loại thực phẩm và các phần không ăn được của thực phẩm, bị loại bỏ khỏi chuỗi cung ứng thực phẩm để được thu hồi hoặc xử lý (bao gồm thực phẩm dùng để ủ phân hữu c□, cây trồng bị cày xới hoặc không thu hoạch, tiêu hóa kỵ khí, sản xuất năng lượng sinh học, đông phát, thiêu hủy, thải bỏ vào cống rãnh, bãi chôn lấp hoặc thải ra biển)*”⁵⁸.

Hiện nay không có định nghĩa thống nhất về FLW.⁵⁹ Các định nghĩa khác nhau, phụ thuộc vào các vấn đề ảnh hưởng khác nhau mà mỗi quốc gia cho là quan trọng, có thể dựa trên bối cảnh, mục đích, giai đoạn trong chuỗi giá trị thực phẩm, th□ hình thức tính toán hay định lượng. Sự khác biệt này dẫn đến khó khăn cho việc đánh giá hiệu quả công tác chống FLW nếu so sánh giữa các quốc gia khác nhau. Tuy nhiên, việc đánh giá chất lượng và hiệu quả của chính sách và khung pháp lý quốc gia về FLW sẽ phụ thuộc vào các định nghĩa được sử dụng đó. Vì vậy, để hỗ trợ hoạt động giám sát, Việt Nam nên xây dựng định nghĩa dựa trên cơ sở định lượng.

Việc xây dựng cơ sở đánh giá mức độ lãng phí thực phẩm là cơ sở quan trọng để xác định hành vi thải bỏ thực phẩm ở mức độ nào sẽ được coi là hành vi lãng phí thực phẩm. Nếu không có một cơ sở đánh giá hợp lý sẽ gây cản trở trong thực thi pháp luật, gây cản trở cho cá nhân, tổ chức liên quan. Hiện nay, Chính phủ đang giao cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng bộ tiêu chí này. Công tác này cần được quan tâm và xúc tiến sớm để có cơ sở thực hiện xây dựng dự thảo, áp dụng các mức đánh giá phù hợp với mục tiêu hành động và đặc thù của xã hội Việt Nam.

Thứ hai, dựa trên đặc thù xã hội Việt Nam với mức độ tuân thủ pháp luật còn thấp, dự luật cần khẳng định chống FLW là nghĩa vụ chung của Nhà nước và tất cả

⁵⁶ FAO định nghĩa lãng phí thực phẩm là “sự suy giảm về số lượng hoặc chất lượng thực phẩm, gây ra bởi các quyết định và hành động của những nhà bán lẻ, nhà cung cấp dịch vụ thực phẩm và người tiêu dùng”. Xem thêm tại: <https://www.fao.org/platform-food-loss-waste/> truy cập ngày 28/2/2026.

⁵⁷ International Finance Corporation (2023). Hướng dẫn rà soát của IFC: Chính sách và quy định An toàn thực phẩm, Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, Thất thoát và lãng phí thực phẩm, Chăn nuôi (Phúc lợi động vật và sử dụng kháng sinh), *SF Scan Guide – Việt Nam*, Washington, DC, tr.50.
Link: <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2023/sf-scan-guide-vietnam-ifc-2023.pdf> truy cập ngày 1/3/2026.

⁵⁸ European Union (2018), *Interrégional Policy Learning Platform: Environment and Resource Efficiency Policy Brief*, Lill, France Policy Learning Platform, Interrégional Europe, co-financed by the European Regional Development Fund.

⁵⁹ International Finance Corporation (2023), Hướng dẫn rà soát của IFC: Chính sách và quy định An toàn thực phẩm, Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, Thất thoát và lãng phí thực phẩm, Chăn nuôi (Phúc lợi động vật và sử dụng kháng sinh), *ttđđ*, tr. 49.

cá nhân, tổ chức trong cả nước. Lấy kinh nghiệm của Pháp và Trung Quốc, dự luật cần quy định các nghĩa vụ cụ thể với các chế tài kèm theo cho các hành vi vi phạm.

Thứ ba, để dễ thực hiện, cần thiết đặt ra các nhiệm vụ nền tảng chống FLW theo kinh nghiệm của Pháp với mức độ ưu tiên từ (1) phòng ngừa FLW thông qua giảm giá và nâng cao nhận thức; (2) Quyên tặng thực phẩm dư thừa; (3) Tái sử dụng thực phẩm dư thừa làm thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón; và (4) Thải bỏ hợp lý không ảnh hưởng đến môi trường.

Các nghĩa vụ và chế tài cụ thể trước mắt chỉ nên tập trung cho chủ thể sản xuất, kinh doanh thực phẩm như các siêu thị quy mô lớn, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, kinh doanh suất ăn công nghiệp hoặc dịch vụ ăn uống và nhà hàng có quy mô lớn (mức định lượng có thể căn cứ trên doanh số bán ra hoặc suất ăn trung bình hàng ngày). Nghĩa vụ bao gồm quy định về ghi nhãn và phân biệt “thời hạn sử dụng tốt nhất” và “thời hạn sử dụng”; cấm thải bỏ sản phẩm thực phẩm vẫn còn phù hợp tiêu dùng; nghĩa vụ quyên tặng thực phẩm của các doanh nghiệp lớn. Đối với chủ thể là cá nhân và hộ gia đình tiêu dùng chỉ nên áp dụng các biện pháp giáo dục, tuyên truyền và hướng dẫn (theo kinh nghiệm Nhật Bản) nếu chưa có cơ sở cụ thể để xác định hành vi lãng phí thực phẩm ở mức độ hộ gia đình, cá nhân.

4. Kết luận

Hoàn thiện pháp luật chống FLW không chỉ nhằm mục tiêu đạt được các chỉ số hay cam kết với quốc tế, mà trước hết nó ảnh hưởng đến an ninh lương thực của quốc gia và tác động trực tiếp đến nền kinh tế, đời sống của người dân và môi trường sống. Những hành động sớm và quyết liệt từ chính phủ là điều cấp thiết nhất hiện nay. Nghiên cứu này đưa ra một số kiến nghị định hướng cho dự luật chống FLW trong tương lai. Các nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ phân tích sâu hơn tiêu chí xây dựng khái niệm có liên quan cũng như các nghĩa vụ cụ thể cần thiết.

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2010), Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ban hành ngày 17/6/2020.
2. Quốc hội (2015), Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ban ngày 27 /11/2015.
3. Quốc hội (2020), Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020.
4. Quốc hội (2023), Luật Giá số 16/2023/QH15 ban hành ngày 19/6/2023.
5. Quốc hội (2025), Luật số 110/2025/QH15 về tiết kiệm và chống lãng phí ban hành ngày 10/12/2025.
6. Chính phủ (2024), Nghị định 87/2024/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá ngày 12/7/2024.

7. Thủ tướng Chính phủ (2023), Quyết định số 300/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia chuyển đổi hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, trách nhiệm và bền vững ở Việt Nam đến năm 2030, ban hành ngày 28/3/2023.
8. Thủ tướng Chính phủ (2025), Quyết định số 222/QĐ-TTg về Kế hoạch Hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035, ban hành ngày 23/1/2025.
9. Báo Điện tử Chính Phủ (2021), Thế giới lãng phí gần 1 tỷ tấn thực phẩm mỗi năm. Đường dẫn: <https://baochinhphu.vn/th-gioi-lang-phi-gan-1-ty-tan-thuc-pham-moi-nam-102288763.htm> truy cập ngày 5/2/2026.
10. Cabinet Secretariat, Government of Japan, *Administrative Procedure Act (行政手続法)*, Japan's/English bilingual PDF. Link: https://www.cas.go.jp/jp/sisaku/houru/data/APA_2.pdf truy cập ngày 28/2/2026.
11. China (2021). Law of the People's Republic of China on Food Waste (中华人民共和国反食品浪费法), adopted 29 April 2021, effective 29 April 2021.
12. Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2026), Phân nhóm người tiêu dùng trí thức theo đặc điểm cá nhân liên quan lãng phí thực phẩm, Tạp Chí Khoa Học Đại Học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh - Khoa Học Xã Hội, 21(2). <https://doi.org/10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.%v.%i.4651.%>
13. CMS Legal Services. (2023). Measures relating to wastage in the Anti-Wastage & Circular Economy Law. CMS Legal. Link: <https://cms.law/en/franews-information/measures-relating-to-wastage-in-the-anti-wastage-circular-economy-law> truy cập ngày 22/2/2026.
14. Consumer Affairs Agency (Japan), Promotion of Food Loss Reduction Policy. Link: https://www.caa.go.jp/policies/policy/consumer_policy/information/food_loss/promotion/?utm truy cập ngày 28/2/2026.
15. Council of the European Union, Proposal for a Directive of the European Parliament and of the Council Amending Directive 2008/98/EC on Waste Analysis of the Final Compromis Text With a View to an Agreement, ST 7258 2025 INIT, Brussels, 2025, PDF file <https://data.consilium.europa.eu/doc/document/ST-7258-2025-INIT/en/pdf>
16. Cục Thống kê (2025), Tổng quan thị trường giá cả tháng mười hai, Quý IV năm 2025, Bộ Tài chính, ngày 31/12/2025.
17. Ellen MacArthur Foundation (2013), Towards the Circular Economy, Vol.1, Cowles, Island of Wight, tr.7. Đường dẫn: <https://content.ellenmacarthurfoundation.org/m/50c85a620a58955/original/Towards-the-circular-economy-Vol-2.pdf> truy cập ngày 24/2/2026.

18. European Environment Agency, France Waste Prevention Country Profile 2025, European Environment Agency, 2025, PDF file Link: <https://www.ea.europa.eu/en/topics/in-depth/waste-and-recycling/country-profiles-on-waste-prevention-2025/fr-waste-prevention-factsheet-final.pdf?utm> truy cập ngày 27/2/2026.
19. European Parliament and Council of the European Union, Directive (EU) 2018/851 of the European Parliament and of the Council of 30 May 2018 amending Directive 2008/98/EC on waste, EUR-Lex, 2018. <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A32018L0851> truy cập ngày 27/2/2026.
20. European Union (2018), Integrating European Policy Learning Platform: Environment and Resource Efficiency Policy Brief. Lilla, France Policy Learning Platform, Integrating Europe, co-financed by the European Regional Development Fund.
21. Food Banking Atlas (2024), Food Donation Policy Atlas – Việt Nam (Translated) (Atlanta: Food Banking Atlas, October 2024), Đường dẫn: https://atlas.foodbanking.org/wp-content/uploads/2024/10/Food-Donation-Policy-Atlas_Viet-Nam_Translated.pdf
22. France (2016). *Loi n° 2016-138 du 11 février 2016 relative à la lutte contre le gaspillage alimentaire*. Journal officiel de la République française <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000032036289/> truy cập ngày 22/2/2026.
23. Giulia Borghesi and Piergiuseppe Moroni (2023), A review of the effects of COVID-19 on food waste, Food Security 15, no. 1 (2023): 261–280, <https://doi.org/10.1007/s12571-022-01311-x>
24. Global Hunger Index (2025), Việt Nam, <https://www.globalhungerindex.org/vietnam.html> truy cập ngày 24/2/2026.
25. International Finance Corporation (2023). Hướng dẫn rà soát của IFC: Chính sách và quy định An toàn thực phẩm, Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, Thất thoát và lãng phí thực phẩm, Chăn nuôi (Phúc lợi động vật và sử dụng kháng sinh). *SF Scan Guide – Việt Nam*, Washington, DC, tr.50.
26. Japan (2000). 食品循環資源の再生利用等の促進に関する法律 (Act No. 116 of 2000). Gov Legal Databases <https://laws.gov.go.jp/> truy cập ngày 22/2/2026.
27. Japan (2019). 食品ロスの削減の推進に関する法律 (Act No.19 of 2019). Gov Legal Databases https://www.caa.go.jp/policies/policy/consumer_policy/information/food_loss/promotion/?utm truy cập ngày 22/2/2026.

28. Lê Thị Thảo My, Nguyễn Việt Thành, Lê Hằng Mỹ Hạnh và Lê Thị Xuân Sang (2023), Lãng phí thực phẩm ở các doanh nghiệp chuỗi cung ứng việt nam: đánh giá hiệu quả mô hình quản trị tinh gọn, FTU - Working Paper 2023.2.2.16 - Vol 2, No 2.
29. Loi n° 2020-105 du 10 février 2020 relative à la lutte contre le gaspillage et à l'économie circulaire, Journal Officiel n°0044 du 20 février 2020. Link: <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000041553759> truy cập ngày 27/2/2026
30. Ministry of Agriculture, Forestry and Fisheries (Japan). *Japan's food and agricultural imports top ¥10 trillion for third straight year*, summarized via industry sources. Link: <https://www.gm-group2.net/industry-trends/japans-food-imports-top-ten-trillion.html> truy cập ngày 27/2/2026.
31. Ministry of the Environment, Government of Japan (2025). MOE Japan Discloses the Estimated Amount of Japan's Food Loss and Waste Generated in FY2023. Press release, June 27, 2025. https://www.env.go.jp/en/press/press_00002.html truy cập ngày 28/2/2026.
32. Nguyễn Thành Long và cộng sự (2021), Kinh tế tuần hoàn: Hướng phát triển bền vững cho doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Công thương, số 18 – tháng 7/2021, tr.82-87.
33. Nguyễn Thùy Trang (2025), Nghiên cứu sự khác biệt về hành vi lãng phí thực phẩm giữa các thế hệ ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Công Thương Online, 08/05/2025, <https://tapchicongthuong.vn/nghiên-cuu-su-khac-biet-vi-hanh-vi-lang-phi-thuc-pham-giua-cac-the-hi-o-vi-t-nam-hien-nay-245709.htm>
34. Okayama, T., & Watanabe, K. (2024). Performance of the Food Waste Recycling Law in Japan with Reference to SDG 12.3. *Recycling*, 9(1), 18. <https://doi.org/10.3390/recycling9010018> truy cập ngày 22/2/2026.
35. Ordonnance n° 2019-1069 du 21 octobre 2019 relative à la lutte contre le gaspillage alimentaire, NOR: AGRG1920827R, Journal Officiel n°0246 du 22 octobre 2019. Link: <https://www.legifrance.gouv.fr/jorf/id/JORFTEXT000039248716> truy cập ngày 27/2/2026.
36. Paul Ekins, Teresa Domenech, Paul Drummond, Raimund Blüschwitz, Nick Hughes, và Lorenzo Lotti (2019), *The Circular Economy: What, Why, How and Where*, background paper for the OECD/EC workshop “Managing the Transition to a Circular Economy in Regions and Cities” (Paris: OECD Headquarters, July 5, 2019), accessed via AllConfs.org, https://www.allconfs.org/img/20200406/200406_1854188.pdf
37. Pearce, D.W. and R.K. Turner (1990), *Economics of Natural Resources and the Environment*, Hemel Hempstead: Harvester Wheatsheaf, tr.39.

38. Q&M (2025), <https://kinhtecongthuong.vn/thuc-pham-chi-m-13-thu-nhap-cua-nguoi-vi-t-404533.html>
39. République Française, Code général des impôts (CGI), Lois et codes consolidés. Link: <https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000000791289> truy cập ngày 27/2/2026.
40. Rhoda Weeks-Brown (2024), “Food (In)Security: A Macroeconomic Perspective,” Journal of International Affairs, July 8. Đường dẫn: <https://jia.sipa.columbia.edu/news/food-insecurity-macro-economic-perspective>
41. Senate of the Philippines, “Lagarda Pushes for Zero Food Waste Act of 2022,” press release, April 28, 2023. Link: https://lgacy.senate.gov.ph/press_release/2023/0428_lagarda2.asp truy cập ngày 27/2/2026.
42. Smith, Adam (1789), *An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*. 5th ed. 3 vols. London: T. Cadell.
43. State Council of the People's Republic of China, “National Standards for Countering Food Waste Show an Implementation Effectiveness Rate of 94.4%,” June 22, 2024.
44. Tan, Jovan, Fabian Jianwei Tan, and Srim Ramakrishna (2022), Transitioning to a Circular Economy: A Systematic Review of Its Drivers and Barriers, Sustainability 14, no. 3: 1757. <https://doi.org/10.3390/su14031757>
45. Trần Văn Thọ (2025), Kinh tế Trung Quốc giai đoạn mới và hàm ý cho Việt Nam, Kinh tế Sài Gòn Online. Link: <https://thsaigontimes.vn/kinh-tet-trung-quoc-giai-doan-moi-va-ham-y-cho-viet-nam/> truy cập ngày 27/2/2026.
46. United Nations (2015), Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development. Resolution adopted by the General Assembly on 25 September 2015, A/RES/70/1. New York: United Nations. <https://sdgs.un.org/2030agenda>
47. United Nations (2025), The SDG Report 2025. Link: <https://sdgs.un.org/topics/sustainable-consumption-and-production> truy cập ngày 22/2/2026.
48. Wang, Shenghang, Dongxu Liu, and Jiping Sheng (2024), Prevention of Food Waste in China: Role and Impact of China's Anti-Food Waste Law, Foods 13, no. 23: 3940. <https://doi.org/10.3390/foods13233940>
49. WJP (2025), Rule of Law Index. Link: <https://govwatch.gr/wp-content/uploads/2025/10/WJPIIndex2025.pdf?utm> truy cập ngày 27/2/2026.
50. World Bank (2024), Rule of Law Index. Link: https://www.theglobalconomy.com/Japan/wb_ruleoflaw/?utm truy cập ngày 27/2/2026.

51. World Food Programme (n.d.). Hungry stats: 318 million people in acute hunger. World Food Programme <https://www.wfp.org/ending-hungry> truy cập ngày 22/2/2026.
52. Xuân Bắc (2025), Tiêu dùng nội địa nâng đỡ ngành thực phẩm giữa bối cảnh kinh tế nhiều biến động, VNBusiness. Đường dẫn: <https://vnbusiness.vn/tieu-dung-noi-dia-nang-do-nganh-thuc-pham-giua-boi-canb-kinh-te-nhiu-bien-dong.html> truy cập ngày 5/2/2026.
53. Quynh Miking (2025), New Act to Curb Food Wastage on thMnu, *The Star*, October 16, 2025. Link: <https://www.thestar.com.my/news/nation/2025/10/16/interactive-new-act-to-curb-food-wastage-on-thmnu/> truy cập ngày 27/2/2026.
54. Zero WasteEurope, *France Food Waste Factsheet*, November 2020, PDF file Link: https://zerowasteurope.eu/wp-content/uploads/2020/11/zw_11_2020_factsheet_france_en.pdf?utm truy cập ngày 27/2/2026.